

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 14  
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 07/2026/DS-ST

Ngày: 15 – 01 – 2026.

“V/v yêu cầu  
thực hiện nghĩa vụ trả tiền”.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 - ĐẮK LẮK

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Găng và ông Nguyễn Văn Hiến.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Bảo Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 14 - Đắc Lắc.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Đắc Lắc** tham gia phiên tòa:  
Bà Nguyễn Quỳnh Như - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 - Đắc Lắc mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 62/2025/TLST - DS ngày 08 tháng 10 năm 2025 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2025/QĐXXST – DS ngày 31 tháng 12 năm 2025 về việc: “Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền”, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Mai Thị L, sinh năm 1988.

Địa chỉ: K N, tổ C, phường K, quận N, Đà Nẵng.

**Bị đơn:** Anh Nguyễn Đức T, sinh năm 1989.

Nơi thường trú: thôn H, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên (nay là thôn H, xã X, tỉnh Đắc Lắc).

Nơi làm việc, tạm trú: 53 T, phường H, quận N, Đà Nẵng.

Các đương sự đều yêu cầu xét xử vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*\*Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/01/2025 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Mai Thị L trình bày:*

Từ năm 2022 đến năm 2024, chị L và anh T phát sinh tình cảm nam nữ. Trong thời gian này, chị L và anh T phát sinh một số khoản nợ chung, cụ thể:

Khoản vay qua thẻ tín dụng: Chị L vay qua thẻ tín dụng của Ngân hàng V (V1) 19.000.000đ (*Mười chín triệu đồng*). Sau đó, chị L cho anh T mượn, không làm giấy tờ nhưng hình ảnh chuyển khoản, thỏa thuận anh T phải trả gốc và lãi phát sinh, lãi suất 1.19%/ tháng, thời gian mượn 12 tháng. Tổng tiền gốc và lãi phải trả là 21.713.200đ (*Hai mươi một triệu bảy trăm mười ba nghìn hai trăm đồng*). Sau khi mượn, anh T đã trả cho chị L 1.900.000đ (*Một triệu chín trăm nghìn đồng*) gốc và lãi nên anh T còn nợ chị L 19.813.200đ (*Mười chín triệu tám trăm mười ba nghìn hai trăm đồng*). Chị L yêu cầu anh T trả cho chị L khoản tiền trên, không yêu cầu lãi chậm trả.

Đối với khoản vay qua Ngân hàng chính sách: Tại đơn khởi kiện, chị L yêu cầu anh T trả 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*) tiền gốc và 8.400.000đ (*Tám triệu bốn trăm nghìn đồng*) tiền lãi. Quá trình giải quyết vụ án, chị L thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu anh T trả cho chị L 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*), không yêu cầu tính lãi.

Đối với khoản nợ phát sinh từ điện thoại IPHONE 13 Promax: Tại đơn khởi kiện, chị L yêu cầu anh T phải trả 21.324.000đ (*Hai mươi một triệu ba trăm hai mươi bốn nghìn đồng*). Quá trình giải quyết vụ án, chị L tự nguyện rút yêu cầu.

Do đó, nay chị L yêu cầu anh T trả 34.813.200đ (*Ba mươi bốn triệu tám trăm mười ba nghìn hai trăm đồng*), không yêu cầu tính lãi chậm trả.

*\*Quá trình giải quyết vụ án và tại đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 31/12/2025, bị đơn anh Nguyễn Đức T trình bày:*

Từ năm 2022 đến năm 2024, anh T và chị L có tình cảm và chung sống với nhau. Trong thời gian này, chị L vay Ngân hàng V (V1) 19.000.000đ (*Mười chín triệu đồng*) và cho anh T mượn lại, thỏa thuận anh T trả lãi hàng tháng, thời hạn mượn là 12 tháng. Tổng tiền gốc và lãi phát sinh phải trả là 21.713.200đ (*Hai mươi một triệu bảy trăm mười ba nghìn hai trăm đồng*), anh T đã trả cho chị L 1.900.000đ (*Một triệu chín trăm nghìn đồng*) tiền gốc và lãi nên anh T còn nợ và đồng ý trả cho chị L là 19.813.200đ (*Mười chín triệu tám trăm mười ba nghìn hai trăm đồng*) còn lại.

Đối với khoản vay qua Ngân hàng chính sách: Anh T đồng ý trả cho chị L 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*).

Đối với khoản nợ phát sinh từ điện thoại IPHONE 13 Promax: Anh T không

đồng ý trả cho chị L.

Do đó, anh T đồng ý trả cho chị L tổng số tiền 34.813.200đ (*Ba mươi bốn triệu tám trăm mười ba nghìn hai trăm đồng*).

### **Tại phiên tòa:**

Các đương sự đều yêu cầu xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Đắk Lắk phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:* Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đều thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị L, buộc anh T phải trả cho chị L 34.813.200đ (*Ba mươi bốn triệu tám trăm mười ba nghìn hai trăm đồng*). Về tiền lãi: đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Mai Thị L đối với số tiền 64.464.000đ (*Sáu mươi bốn triệu bốn trăm sáu mươi bốn nghìn đồng*) mà chị L yêu cầu anh T trả cho chị L.

Về án phí: Buộc anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không được.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; yêu cầu của nguyên đơn và ý kiến của bị đơn. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết: Chị L khởi kiện anh T về việc “*Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền*”. Mặc dù anh T đang tạm trú và làm việc tại Đà Nẵng nhưng anh T cư trú tại thôn H, xã X, tỉnh Đắk Lắk và có văn bản đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 14 – Đắk Lắk giải quyết. Căn cứ khoản 2 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án dân sự nêu trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 14 - tỉnh Đắk Lắk.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Các đương sự yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, HĐXX căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vụ án theo thủ tục chung.

Về phạm vi khởi kiện: Tại đơn khởi kiện, chị L yêu cầu anh T trả số tiền 121.464.000đ (*Một trăm hai mươi một triệu bốn trăm sáu mươi bốn nghìn đồng*). Quá trình giải quyết vụ án, chị L thay đổi nội dung khởi kiện, yêu cầu anh T trả số tiền 34.813.200đ (*Ba mươi bốn triệu tám trăm mười ba nghìn hai trăm đồng*). Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện trên không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của chị L.

[3]. Về nội dung vụ án:

Chị L khởi kiện yêu cầu anh T trả cho chị L số tiền 34.813.200đ (*Ba mươi bốn triệu tám trăm mười ba nghìn hai trăm đồng*) và không yêu cầu tính lãi.

*Hội đồng xét xử xét thấy:*

Đối với khoản vay qua thẻ tín dụng: Để chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình, chị L cung cấp cho Tòa án bản ảnh chụp từ điện thoại có nội dung hình ảnh chị L chuyển khoản cho anh T 19.000.000đ (*Mười chín triệu đồng*). Đồng thời, chị L và anh T đều thống nhất thừa nhận khoản tiền trên chị L vay của Ngân hàng V (V1) và cho anh T mượn lại nhưng chị L đã tắt toán xong cho Ngân hàng. Nay chị L yêu cầu anh T phải trả cho chị L 19.813.200đ (*Mười chín triệu tám trăm mười ba nghìn hai trăm đồng*) và anh Tín chấp N.

Đối với khoản vay Ngân hàng chính sách xã hội: Tại đơn khởi kiện ngày 06/01/2025, chị L yêu cầu anh T trả cho chị L 50.000.000đ (*Năm mươi triệu đồng*) tiền gốc và 8.400.000đ (*Tám triệu bốn trăm nghìn đồng*) tiền lãi phát sinh. Quá trình giải quyết vụ án, chị L thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu anh T phải trả cho chị L 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*) và anh Tín chấp N.

Đối với khoản tiền phát sinh từ điện thoại Iphone 13 Promax: Tại đơn khởi kiện, chị L yêu cầu anh T trả 21.324.000đ (*Hai mươi một triệu ba trăm hai mươi bốn nghìn đồng*) giá trị còn lại của điện thoại Iphone 13 Promax. Quá trình giải quyết vụ án, chị L thay đổi yêu cầu khởi kiện và tự nguyện xin rút yêu cầu.

Từ những phân tích, đánh giá nêu trên, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, buộc anh T phải trả cho chị L 34.813.200đ (*Ba mươi bốn triệu tám trăm mười ba nghìn hai trăm đồng*).

[4]. Về án phí: Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật, cụ thể:  $34.813.200đ \times 5\% = 1.740.660đ$  (Một triệu bảy trăm bốn mươi nghìn sáu trăm sáu mươi đồng).

[5]. Quá trình giải quyết vụ án, chị L xin rút yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng) tiền gốc, 8.400.000đ (Tám triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền lãi phát sinh vay của Ngân hàng C và 21.324.000đ (Hai mươi một triệu ba trăm hai mươi một nghìn đồng) giá trị còn lại của điện thoại Iphone 13 Promax. Do đó, HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ đối với các yêu cầu trên.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 166, Điều 579 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 244, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Mai Thị L.

Buộc anh Nguyễn Đức T phải trả cho chị Mai Thị L số tiền 34.813.200đ (Ba mươi bốn triệu tám trăm mười ba nghìn hai trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị L về việc yêu cầu anh T trả các khoản tiền: 35.000.000đ (Ba mươi lăm triệu đồng) tiền gốc; 8.400.000đ (Tám triệu bốn trăm nghìn đồng) tiền lãi phát sinh vay của Ngân hàng C và 21.324.000đ (Hai mươi một triệu ba trăm hai mươi một nghìn đồng) giá trị còn lại của điện thoại Iphone 13 Promax.

2. Về án phí: Buộc anh Nguyễn Đức T phải chịu 1.740.660đ (Một triệu bảy trăm bốn mươi nghìn sáu trăm sáu mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho chị Mai Thị L 3.036.000đ (Ba triệu không trăm ba mươi sáu nghìn đồng) tạm ứng án phí nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009585 ngày 10/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ - Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng cũ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 14 – Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 14 - Đắk Lắk (2);
- Các đương sự;
- Lưu án văn.
- Án Văn (2).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Trần Thị Ngọc Hà**

